

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Điện - Điện tử

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng																					
Ngành: Điện công nghiệp																					
1	15CD-ĐCN1	55		8	47	0	0.00	2	3.64	10	18.18	30	54.55	10	18.18	1	1.82	0	0.00	2	
2	15CD-ĐCN2	54		11	43	4	7.41	0	0.00	6	11.11	23	42.59	18	33.33	0	0.00	0	0.00	3	
3	15CD-ĐCN3	51		10	41	0	0.00	2	3.92	5	9.80	34	66.67	8	15.69	1	1.96	0	0.00	1	
4	15CD-ĐCN4	53		9	44	0	0.00	0	0.00	5	9.43	20	37.74	23	43.40	1	1.89	0	0.00	4	
5	16CD-ĐCN1	52		8	44	1	1.92	0	0.00	2	3.85	16	30.77	27	51.92	5	9.62	0	0.00	1	
6	16CD-ĐCN2	51	1	13	38	0	0.00	1	1.96	5	9.80	21	41.18	16	31.37	1	1.96	0	0.00	7	
7	16CD-ĐCN3	52		12	40	0	0.00	0	0.00	2	3.85	19	36.54	19	36.54	6	11.54	0	0.00	6	
8	16CD-ĐCN4	48		13	35	0	0.00	2	4.17	6	12.50	18	37.50	13	27.08	7	14.58	0	0.00	2	
9	16CD-ĐCN5	50		10	40	0	0.00	3	6.00	6	12.00	27	54.00	13	26.00	1	2.00	0	0.00	0	
10	17C1-ĐCN1	59		11	48	0	0.00	1	1.69	10	16.95	23	38.98	12	20.34	3	5.08	0	0.00	10	
11	17C1-ĐCN2	58		10	48	0	0.00	0	0.00	6	10.34	18	31.03	23	39.66	6	10.34	0	0.00	5	
12	17C1-ĐCN3	64		18	46	0	0.00	2	3.13	4	6.25	18	28.13	15	23.44	4	6.25	0	0.00	21	
13	17C1-ĐCN4	62		11	51	1	1.61	1	1.61	6	9.68	12	19.35	23	37.10	4	6.45	0	0.00	15	
14	16CD-LTĐ	19		4	15	0	0.00	0	0.00	2	10.53	17	89.47	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 14 Lớp		728	1	148	580	6	0.82	14	1.92	75	10.30	296	40.66	220	30.22	40	5.49	0	0.00	77	
Ngành: Điện tử công nghiệp																					
1	15CD-ĐTCN1	41	1	6	35	0	0.00	2	4.88	11	26.83	24	58.54	3	7.32	0	0.00	1	2.44	0	
2	16CD-ĐTCN1	46		15	31	0	0.00	2	4.35	6	13.04	16	34.78	17	36.96	3	6.52	0	0.00	2	
3	17C1-ĐTC1	30		9	21	0	0.00	1	3.33	4	13.33	10	33.33	4	13.33	3	10.00	0	0.00	8	
CỘNG 03 Lớp		117	1	30	87	0	0.00	5	4.27	21	17.95	50	42.74	24	20.51	6	5.13	1	0.85	10	

S TT	LỚP	SỐ SỎ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử																					
1	17C1-ĐĐT1	52	1	16	36	0	0.00	0	0.00	6	11.54	23	44.23	13	25.00	4	7.69	0	0.00	6	
2	17C1-ĐĐT2	56	2	10	46	1	1.79	3	5.36	8	14.29	19	33.93	12	21.43	5	8.93	1	1.79	7	
3	17C1-ĐĐT3	50	1	11	39	0	0.00	1	2.00	7	14.00	11	22.00	13	26.00	3	6.00	0	0.00	15	
4	17C1-ĐĐT4	54	1	17	37	0	0.00	1	1.85	2	3.70	15	27.78	17	31.48	9	16.67	1	1.85	9	
5	17C2-ĐĐT1	29		8	21	0	0.00	1	3.45	17	58.62	7	24.14	3	10.34	1	3.45	0	0.00	0	
CỘNG 04 Lớp		241	5	62	179	1	0.41	6	2.49	40	16.60	75	31.12	58	24.07	22	9.13	2	0.83	37	
Ngành: Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử																					
1	17C1-CĐT1	68		14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	11	16.18	32	47.06	9	13.24	1	1.47	14	
CỘNG 01 Lớp		68	0	14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	11	16.18	32	47.06	9	13.24	1	1.47	14	
Ngành: Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động																					
1	15CĐ-TĐH1	38		14	24	0	0.00	2	5.26	18	47.37	11	28.95	5	13.16	1	2.63	0	0.00	1	
2	16CĐ-TĐH1	41	1	11	30	1	2.44	0	0.00	3	7.32	11	26.83	22	53.66	4	9.76	0	0.00	0	
3	17C1-TĐH1	57		15	42	1	1.75	0	0.00	3	5.26	23	40.35	18	31.58	6	10.53	0	0.00	6	
CỘNG 03 Lớp		136	1	40	96	2	1.47	2	1.47	24	17.65	45	33.09	45	33.09	11	8.09	0	0.00	7	
Trung cấp																					
Ngành: Điện Công nghiệp và Dân dụng																					
1	15TC-Đ	11		7	4	0	0.00	2	18.18	4	36.36	5	45.45	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
2	16TN-Đ	6		0	6	0	0.00	1	16.67	2	33.33	3	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
	16TCT-Đ	27		8	19	0	0.00	0	0.00	2	7.41	17	62.96	4	14.81	0	0.00	0	0.00	4	
CỘNG 02 Lớp		44	0	15	29	0	0.00	3	6.82	8	18.18	25	56.82	4	9.09	0	0.00	0	0.00	4	
Ngành: Điện Công nghiệp																					
1	15TCN-Đ	21		17	4	0	0.00	0	0.00	1	4.76	13	61.90	2	9.52	0	0.00	1	4.76	4	
2	16TCN-Đ	41		27	14	0	0.00	0	0.00	10	24.39	5	12.20	16	39.02	7	17.07	3	7.32	0	
3	17T2-ĐCN1	26		11	15	0	0.00	1	3.85	2	7.69	10	38.46	10	38.46	0	0.00	0	0.00	3	
4	17T4-ĐCN1	43	1	32	11	0	0.00	0	0.00	3	6.98	11	25.58	9	20.93	5	11.63	0	0.00	15	
5	17T4-ĐCN2	42		30	12	0	0.00	0	0.00	3	7.14	11	26.19	18	42.86	1	2.38	0	0.00	9	
CỘNG 05 Lớp		173	1	117	56	0	0.00	1	0.58	19	10.98	50	28.90	55	31.79	13	7.51	4	2.31	31	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại?)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Điện tử Công nghiệp																				
1	15TCN-ĐT	25		21	4	0	0.00	4	16.00	16	64.00	1	4.00	0	0.00	0	0.00	1	4.00	3
2	16TCN-ĐT	34		30	4	0	0.00	2	5.88	8	23.53	10	29.41	6	17.65	4	11.76	4	11.76	0
3	17T4-ĐTC1	37	1	29	8	0	0.00	0	0.00	0	0.00	8	21.62	5	13.51	11	29.73	0	0.00	13
CỘNG 03 Lớp		96	1	80	16	0	0.00	6	6.25	24	25.00	19	19.79	11	11.46	15	15.63	5	5.21	16
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử																				
1	17T4-ĐĐT1	63	1	56	7	0	0.00	1	1.59	3	4.76	10	15.87	26	41.27	12	19.05	0	0.00	11
CỘNG 01 Lớp		63	1	56	7	0	0.00	1	1.59	3	4.76	10	15.87	26	41.27	12	19.05	0	0.00	11
TỔNG CỘNG (36 LỚP)		1666	11	562	1104	9	0.54	38	2.28	215	12.91	581	34.87	475	28.51	128	7.68	13	0.78	207

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 1.666 HSSV. Trong đó có 207 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV


Hoàng Ngọc Cảnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đinh Hồng Minh

Từ TB trở lên	1318	79.1
Yếu Kém	141	8.46
Không xếp loại	207	12.4